| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TRÀ ÔN**<br>**TỈNH VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06-5-2024
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thu Nga**.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông **Võ Hồng Quận**.

2/ Ông **Nguyễn Quốc Triều**.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà **Lâm Diệu Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long*** *tham gia phiên tòa:* Bà **Huỳnh Thị Trúc Ly** – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 368/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023, về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị **Võ Thị Hàng N,** sinh năm 1985. Vắng mặt

Địa chỉ: khu B, thị trấn X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

*Bị đơn*: Anh **Huỳnh Văn H1**, sinh năm 1979. Vắng mặt

Địa chỉ: khu B, thị trấn X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 30/10/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Võ Thị Hàng N trình bày: Chị và anh Huỳnh Văn H1 thành hôn năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh ngày 12/12/2005. Thời gian vợ chồng chung sống xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi, hiện tại vợ chồng vẫn còn sống chung nhà nhưng đã chấm dứt quan hệ vợ chồng. Chị xác định tình cảm vợ chồng

không còn, không thể tiếp tục chung sống, chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H1. Về con chung, chị và anh H1 có 02 con chung tên Huỳnh Thị Ngọc H2, sinh ngày 03/12/2005 hiện đã trưởng thành và phát triển bình thường và Huỳnh Hữu Q, sinh ngày 30/3/2008 hiện đang sống chung với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Q theo nguyện vọng của con, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, chị không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/3/2024 bị đơn anh Huỳnh Văn H1 trình bày: Thời gian anh và chị N sống chung có xảy ra mâu thuẫn trong lời ăn tiếng nói và công việc kinh doanh của chị N nhưng anh xác định anh còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Anh và chị N có 02 con chung là Huỳnh Thị Ngọc H2, sinh ngày 03/12/2005 hiện đã trưởng thành và phát triển bình thường và Huỳnh Hữu Q, sinh ngày 30/3/2008, hiện đang sống chung với chị N. Nếu chị N kiên quyết muốn ly hôn anh đồng ý để cháu Q cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung anh không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 04/5/2024 bà Nguyễn Thị Mỹ P (Trưởng khu B) trình bày: Chị N và anh H1 sống chung tại khu B, thị trấn X, bà không biết vợ chồng chị N xảy ra mâu thuẫn gì, chị N có đến nhờ bà xác nhận để làm thủ tục ly hôn. Chị N và anh H1 có 02 con chung là Huỳnh Thị Ngọc H2 hiện đã trưởng thành, phát triển bình thường và cháu Huỳnh Hữu Q, sinh năm 2008 hiện đang sống chung với chị N, cháu được chăm sóc chu đáo, học hành đầy đủ.

***Tại phiên tòa:***

Nguyên đơn chị Võ Thị Hàng N vắng mặt có đơn yêu cầu vắng mặt.

Bị đơn anh Huỳnh Văn H1 vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến, không tham gia đầy đủ các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là vi phạm quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Võ Thị Hàng N được ly hôn với anh Huỳnh Văn H1.

- Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Hữu Q, sinh ngày 30/3/2008 cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị Hàng N có nghĩa vụ nộp 300.000đ án phí ly hôn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Võ Thị Hàng N vắng mặt có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Huỳnh Văn H1 vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Võ Thị Hàng N và anh Huỳnh Văn H1 thành hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh ngày 12/12/2005 nên xem đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp phù hợp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình chung sống, giữa chị Võ Thị Hàng N và anh Huỳnh Văn H1 có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, chị N đã gửi đơn xin ly hôn nhưng sau đó rút đơn nhằm tạo điều kiện để vợ chồng đoàn tụ nhưng không đạt kết quả. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập đương sự nhiều lần để hòa giải nhằm giúp đỡ chị N, anh H1 đoàn tụ nhưng anh H1 vắng mặt không lý do, chứng tỏ anh H1 không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Giữa chị Võ Thị Hàng N và anh Huỳnh Văn H1 có

02 con chung tên Huỳnh Thị Ngọc H2, sinh ngày 03/12/2005 hiện đã trưởng thành và phát triển bình thường và Huỳnh Hữu Q sinh ngày 30/3/2008 hiện đang sống chung với chị N, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Huỳnh Thị Ngọc H2 hiện đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không xem xét việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng; cháu Huỳnh Hữu Q có văn bản thể hiện ý kiến muốn được sống chung với mẹ và anh Huỳnh Văn H1 cũng thống nhất để cháu Q sống chung với chị N nếu chị N kiên quyết ly hôn. Do đó, để ổn định cuộc sống và theo nguyện vọng của cháu Q nên cần giao cháu Huỳnh Hữu Q, sinh ngày 30/3/2008 cho chị Võ Thị Hàng N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Chị Võ Thị Hàng N là người đang trực tiếp nuôi con nhưng không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị Hàng N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị Hàng N phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Các điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Hàng N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Võ Thị Hàng N được ly hôn với anh Huỳnh Văn H1.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Hữu Q, sinh ngày 30/3/2008 cho chị Võ Thị Hàng N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Huỳnh Văn H1 không phải

cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Võ Thị Hàng N có nghĩa vụ nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0010827 ngày 06/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, chị N đã nộp đủ.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh (GCNKH số 26 ngày 12/12/2005);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*(đã ký)*

**Nguyễn Thị Thu Nga**